

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, sinh năm 1989; ĐKTT: Thôn D, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn K, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn D, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 23 tháng 11 năm 2015. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh L ở thôn D, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do tình tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh L không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Chị có góp ý nhưng anh L không tiếp thu sửa chữa mà còn đánh chửi chị vô cớ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình bố, mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ tháng 8 năm 2021 đến nay chị đã bỏ về cư trú cùng bố, mẹ để chị ở thôn K, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng, sống ly thân với anh L. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình L.

Về con chung: Chị và Nguyễn Đình L có hai con chung là Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 và Nguyễn Đình T1, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2018. Hiện tại hai con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 02 năm 2022, bị đơn anh Nguyễn Đình L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh và chị Trương Thị T theo như lời khai chị T đã khai là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, nguyên nhân chị T làm đơn ly hôn là do anh mãi chơi nên không đón con. Chị T đã bỏ đi nhiều lần, song được sự khuyên bảo của gia đình, chị T lại quay về để vợ chồng đoàn tụ. Lần cuối cùng chị T bỏ đi từ tháng 8 năm 2018, từ đó đến nay, không lần nào chị trở về đoàn tụ cùng gia đình anh nữa. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì vợ chồng còn ràng buộc bởi con chung. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh được đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Trương Thị T có hai con chung theo như chị T đã khai là đúng. Từ khi chị T bỏ đi, hai con chung do chị T nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. *Về nội dung:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình L; giao các con chung Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 và Nguyễn Đình T1, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2018 cho chị T nuôi dưỡng. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đình L. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Đình L hiện đang cư trú tại thôn D, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đình L đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đình L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đình L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23 tháng 11 năm 2015, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đình L đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh L đôi khi còn mãi chơi chưa quan tâm đến cuộc sống gia đình, nên chị T đã nhiều lần bỏ nhà đi. Xét quan hệ hôn nhân của chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đình L là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Trương Thị T đối với anh Nguyễn Đình L. Anh Nguyễn Đình L không đồng ý ly hôn, nhưng anh L cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Hơn nữa Tòa án đã nhiều lần thông báo anh L đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc anh L không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đình L có hai con chung là Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 và Nguyễn Đình T1, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2018. Chị T và anh L đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy, quan điểm của chị T và anh L là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đình L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đình L được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình L.

2. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2016 và Nguyễn Đình T1, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2018 cho chị Trương Thị T nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Đình L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly

hôn theo Biên lai thu tiền số 4001 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Nên chị T không phải nộp nữa.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã L1 (ĐKKH ngày 23 tháng 11 năm 2015);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Huế

